TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ĐỨC
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Bản án số: 20/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15/7/2019.
V/v Hôn nhân gia đình.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tu.
2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Như Hoàng Hải – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Đức - Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức – Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bích Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 255/2019/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về việc "*Hôn nhân gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1987;

Trú tại: Khu TT XNTTY TW, xã ĐT, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. *Có mặt tại phiên tòa.*

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1974;

Trú tại: Khu TT XNTTY TW, xã ĐT, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. *Có mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/11/2008 tại UBND xã Thạch Tân, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mẫu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống. Trước đây chị đã nộp đơn xin ly hôn ở Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, nhưng chị rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ, tuy nhiên cuộc sống vợ chồng không thay đổi, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Hiện nay, vợ chồng chị đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai.

Nay chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hàn gắn được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Nguyễn Thiện A, sinh ngày 17/8/2009. Khi ly hôn anh T xin nuôi con chung và không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị đồng ý để anh T nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn là anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Thu H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/11/2008 tại UBND xã Thạch Tân, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh.

Vợ chồng anh đã 02 lần nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, nhưng đã rút đơn, về đoàn tụ với nhau.

Đến tháng 02 năm 2019 chị H đã dọn ra ngoài ở, lý do như thế nào thì anh không biết. Anh có giữ chị H lại nhưng chị H vẫn kiên quyết đi.

Nay chị H xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn, nếu chị H vẫn kiên quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiện A, sinh ngày 17/8/2009. Khi ly hôn anh xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:

* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán,

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

* Ý kiến giải quyết vụ án:

Quá trình điều tra thu thập chứng cứ đã chứng minh được mâu thuẫn giữa chị H và anh T tới mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, xét cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thiện A, sinh ngày 17/8/2009 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là *"Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung"*, anh Nguyễn Văn T có HKTT và hiện đang trú tại xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Căn cứ điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T kết hôn ngày 04/11/2008 tại UBND xã Thạch Tân, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân. Trước đây cả chị H và anh T đều đã nộp đơn xin ly hôn, nhưng đã rút đơn, về đoàn tụ. Tuy nhiên sau đó thì cuộc sống vợ chồng vẫn không được cải thiện, không còn quan tâm đến nhau, không cùng chung sức xây dựng hạnh phúc gia đình. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về tình nghĩa vợ chồng thì: *Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh*

tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác. Như vậy hiện tại chị H và anh T đã sống ly thân và đều không thực hiện đúng nghĩa vụ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa chị H và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thiện A, sinh ngày 17/8/2009.

Ghi nhận sự thỏa thuận của chị H và anh T: Giao cháu Nguyễn Thiện A, sinh ngày 17/8/2009 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35 và Điều 40; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H, cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Thiện A, sinh ngày 17/8/2009 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác.

Chị Trần Thị Thu H được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị H tự nguyện thực hiện.

3. Về tài sản chung: Ghi nhận chị Trần Thị Thu H, anh Nguyễn Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0008969 ngày 24 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: *Căn cứ Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;*

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thành Trung

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- UBND xã Di Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.